

DANH MỤC ĐỀ TÀI KH&CN CẤP ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG NĂM 2017
(Kèm theo số 1444/ĐHKT-KH của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế ngày 09 tháng 12 năm 2016)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đề tài	Tính cấp thiết	Mục tiêu	Nội dung chính	Hiệu quả dự kiến, sản phẩm và kết quả dự kiến	Thời gian	Kinh phí		
							Tổng cộng	NS	Khác
1	2	4		5	6	7	8	9	10
1	Lựa chọn của người dân đối với dịch vụ tiêm chủng - Trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam	Chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR) (Expanded Programme on Immunization-EPI) bắt đầu triển khai ở Việt Nam từ năm 1981 và đến năm 1985 đã triển khai được ở 53 tỉnh/thành phố trong cả nước. Từ 1995 đến nay, 100% xã/phường trong cả nước đều được bao phủ bởi Chương trình. Chương trình TCMR đã góp phần to lớn vào việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân, nhiều bệnh dịch nguy hiểm đã được loại trừ. Tiêm	- Đánh giá năng lực và hiệu quả của Chương trình TCMR ở Việt Nam trong những năm qua; - Đánh giá và ước lượng nhu cầu của người dân đối với tiêm chủng dịch vụ ở Việt Nam; - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người dân giữa tiêm chủng mở rộng và tiêm	Nội dung 1: Tổng quan các cơ sở lý thuyết và nghiên cứu về cung cấp hàng hóa công cộng và hàng hóa khuyến dụng nói chung và chương trình tiêm chủng mở rộng nói riêng trên thế giới. Nội dung 2: Kinh nghiệm thực tiễn về cung cấp dịch vụ tiêm chủng bằng chương trình tiêm	- Kết quả dự kiến: Phân tích và đánh giá mang tính hệ thống các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người dân đối với dịch vụ tiêm chủng và vấn đề thông tin không đối xứng trong cung cấp dịch vụ tiêm chủng. Từ đó xây dựng được những luận cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách và mô hình góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng của các loại hình cung cấp dịch vụ tiêm chủng ở Việt Nam. - Sản phẩm khoa học:	24 tháng	70 triệu	70 triệu	0

		<p>chủng đã đến được với mọi gia đình, mọi dân tộc, mọi vùng miền trong cả nước, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và đảm bảo công bằng trong thụ hưởng các dịch vụ y tế của trẻ em nói riêng và nhân dân nói chung. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đánh giá Việt Nam là điểm sáng về tiêm chủng, sớm đạt mục tiêu thiên niên kỷ về chăm sóc sức khỏe trẻ em.</p> <p>Tuy nhiên, hiện nay theo nhiều bậc phụ huynh, vắc-xin dịch vụ có chất lượng tốt, có thể phòng nhiều bệnh trong cùng một mũi tiêm, chi phí cũng chấp nhận được so với thu nhập của họ. Bên cạnh đó, trong thời gian gần đây một số thông tin tai biến sau khi tiêm vắc-xin đã làm người dân hoang mang, không khỏi lo lắng cho tình trạng an toàn trong tiêm chủng. Do vậy họ muốn chuyển sang tiêm vắc xin</p>	<p>chủng dịch vụ ở Việt Nam; - Xây dựng được những luận cứ khoa học và thực tiễn làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng của các loại hình cung cấp dịch vụ tiêm chủng ở Việt Nam.</p>	<p>chủng mở rộng miễn phí hay thu phí của các quốc gia trên thế giới.</p> <p>Nội dung 3: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn của người dân đối với dịch vụ tiêm chủng.</p> <p>Nội dung 4: Thực trạng và hiệu quả của Chương trình TCMR ở Việt Nam trong những năm qua.</p> <p>Nội dung 5: Các mô hình thực nghiệm về sự lựa chọn của người dân đối với dịch vụ tiêm chủng mở rộng và tiêm chủng trả tiền ở Việt Nam.</p> <p>Nội dung 6: Xây dựng được những luận cứ khoa</p>	<p>+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02 - Sản phẩm đào tạo: Số lượng cao học, số lượng NCS: 01 - Sản phẩm ứng dụng: Báo cáo khoa học các chuyên đề; Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài; Tóm tắt khuyến nghị chính sách (policy brief).</p>				
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		<p>dịch vụ cho an toàn và thuận tiện hơn. Vì vậy, nghiên cứu sự lựa chọn của người dân giữa tiêm chủng mở rộng (miễn phí) và tiêm chủng dịch vụ (tiêm chủng trả tiền) là cần thiết góp phần đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm khắc phục tình trạng thông tin không đối xứng, nâng cao hiệu quả, chất lượng của các loại hình cung cấp dịch vụ tiêm chủng và giảm những tổn thất phúc lợi của người dân và ngân sách của Chương trình TCMR.</p>		<p>học và thực tiễn làm cơ sở đề xuất các khuyến nghị chính sách và mô hình góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng của các loại hình cung cấp dịch vụ tiêm chủng ở Việt Nam.</p>					
2	<p>Sự phân hóa giàu nghèo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở thành phố Đà Nẵng. Những vấn đề đặt ra và giải quyết</p>	<p>Kinh tế thị trường cùng với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và quá trình toàn cầu hóa đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của nhân loại, nhưng hố sâu ngăn cách giữa các quốc gia, các tầng lớp trong xã hội cũng</p>	<p>Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, mục tiêu đề tài là làm rõ thực trạng và xu hướng tất yếu của sự phân hoá giàu nghèo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Thành phố</p>	<p>Chương 1: Sự phân hóa giàu nghèo. Một số vấn đề lý luận cơ bản 1.1. Khái niệm về phân hóa giàu – nghèo 1.2. Những tiêu chí đánh giá 1.3. Phân hóa giàu nghèo – Sự tác động</p>	<p>- Sản phẩm khoa học: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 01 - Sản phẩm đào tạo: Số lượng cao học, số lượng NCS: 00 - Sản phẩm ứng dụng: Báo cáo khoa học các chuyên đề; Báo cáo</p>	24 tháng	100 tr	100 tr	0

		<p>gia tăng nhanh chóng và ngày càng trở nên sâu sắc hơn đe dọa tới sự ổn định và phát triển của xã hội loài người cả trong ngắn hạn và dài hạn. 30 năm thực hiện đường lối đổi mới với trọng tâm là xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Đảng Cộng sản Việt Nam, Thành phố Đà Nẵng đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh,... tuy nhiên kinh tế thị trường định hướng XHCN cũng đặt ra nhiều vấn đề về sự phân hóa, phân tầng xã hội; vấn đề công bằng xã hội, ... và ảnh hưởng của nó đối với sự ổn định và phát triển của Thành phố cả trong ngắn hạn và dài hạn cần phải được nghiên cứu và có cảnh báo sớm.</p>	<p>Đà Nẵng. Qua đó làm sáng tỏ những vấn đề đã được đặt ra trong thực tiễn nhằm hiểu hơn quá trình chuyển đổi, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, từ đó đề xuất ra những giải pháp, phương hướng giải quyết sự phân hoá giàu – nghèo đảm bảo xây dựng thành phố Đà Nẵng công bằng, dân chủ, văn minh</p>	<p>trong nền kinh tế thị trường của xã hội Những yếu tố tích cực Những tồn tại, hạn chế Xu hướng của sự phân hóa giàu nghèo ở thành phố Đà Nẵng Kết luận chương I Chương 2: Sự phân hóa giàu – nghèo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở thành phố Đà Nẵng. Thực trạng và nguyên nhân 2.1. Tác động của phân hóa giàu – nghèo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở thành phố Đà Nẵng 2.2. Những nguyên nhân cơ bản của sự</p>	<p>tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài; Tóm tắt khuyến nghị chính sách (policy brief).</p>				
--	--	---	--	--	---	--	--	--	--

				phân hóa giàu nghèo 2.2.1. Nguyên nhân khách quan 2.2.2. Nguyên nhân chủ quan 2.3. Sự biến động của phân hóa giàu nghèo ở T/P Đà Nẵng hiện nay Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng khi nền kinh tế thị trường càng phát triển Phân hóa giàu nghèo đang có xu hướng đẩy tới sự phân hóa xã hội Quan điểm của thành phố Đà Nẵng với sự phân hóa giàu nghèo hiện nay Kết luận chương II Chương 3: Một số giải					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				pháp chủ yếu để rút ngắn khoảng cách giàu – nghèo trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở thành phố Đà Nẵng.					
3	Ứng dụng mô hình Input-Output trong phân tích kinh tế và môi trường - trường hợp nghiên cứu tại Việt Nam	Lý luận và phương pháp luận xây dựng, phân tích và ứng dụng mô hình I/O được Wassily Leontief đề xướng và phát triển bằng việc xây dựng các mô hình I/O cho Hoa Kỳ, công bố năm 1941 trong công trình “Cấu trúc của nền kinh tế Hoa Kỳ”. Từ đó đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đều đã thiết lập mô hình I/O của mình. Hơn thế nữa, mô hình này còn được xem là trung tâm của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) của Liên Hiệp Quốc, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1953 dựa trên báo cáo của Richard Stone	-Hệ thống hóa cơ sở lý thuyết của việc xây dựng và vận dụng mô hình I/O vào phân tích kinh tế và môi trường -Xác định vai trò của các ngành trong nền kinh tế Việt Nam dựa trên nhân tử Vào- Ra (IO Multipliers). -Lượng hóa mức độ ảnh hưởng của kinh tế đến môi trường và ngược lại ở Việt Nam trên cơ sở phân tích mô hình I/O mở rộng	- Cơ sở lý luận của việc xây dựng và vận dụng mô hình I/O vào phân tích kinh tế và môi trường. - Phân tích những ảnh hưởng về kinh tế thông qua nhân tử Vào- Ra (IO Multipliers) - Phân tích mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường từ bảng I/O Việt Nam	Hiệu quả dự kiến: - Xác định những ngành kinh tế mũi nhọn và chính sách phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng trưởng kinh tế bền vững tại Việt Nam. - Đánh giá tác động ô nhiễm và tính toán chỉ tiêu GDP xanh cho nền kinh tế Việt Nam Sản phẩm và kết quả dự kiến: - Sản phẩm khoa học: + Số bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài: 01 + Số bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 02	24 tháng	70 triệu		

	<p>“Định nghĩa và đo lường thu nhập quốc gia và các tổng số liên quan”. Chính Richard Stone là người hoàn thiện SNA bằng cách đưa mô hình I/O của Leontief vào trong lần điều chỉnh năm 1968 và phiên bản SNA công bố năm 1993 coi bảng I/O là trung tâm của cả hệ thống.</p> <p>Mô hình I/O phản ánh bức tranh về toàn bộ hoạt động sản xuất của nền kinh tế. Nó phản ánh mối quan hệ liên ngành, liên vùng trong quá trình sản xuất và sử dụng sản phẩm cho tiêu dùng cuối cùng, tích lũy tài sản, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của toàn bộ nền kinh tế.</p> <p>Hơn nữa, mô hình I/O còn cho biết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm cuối cùng của một ngành, vùng thì cần bao nhiêu sản phẩm của ngành, vùng khác; ngược lại ngành, vùng đó cung cấp bao nhiêu sản phẩm để sản xuất ra</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>một đơn vị sản phẩm của ngành, vùng khác. Từ đó cho phép phân tích các mối quan hệ, đánh giá hiệu quả sản xuất, tính toán các chỉ tiêu tổng hợp khác phục vụ công tác quản lý kinh tế vĩ mô, phân tích và dự báo kinh tế. Trong những năm gần đây, việc ứng dụng mô hình I/O để liên kết mối liên hệ giữa kinh tế và môi trường được nhiều nhà nghiên cứu đề cập như là một công cụ quan trọng trong việc nghiên cứu về phát triển bền vững của quốc gia.</p> <p>Tại Việt Nam, Bảng I/O năm 2012 là bảng lần thứ năm (các lần trước lập cho các năm 1989, 1996, 2000 và năm 2007), với qui mô gồm 164 ngành sản phẩm. Lập bảng I/O đòi hỏi một khối lượng lớn các loại thông tin kinh tế, tính toán rất công phu và tốn kém. Tuy nhiên, việc vận dụng mô</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

		hình I/O trong phân tích kinh tế, đặc biệt là việc sử dụng mô hình I/O trong phân tích môi trường tại Việt Nam chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện.							
4	Những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên: Khoảng cách giữa yêu cầu thực tế và mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán	Với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế xã hội, hoạt động kiểm toán cũng ngày càng phát triển để đáp ứng nhu cầu thông tin trung thực và hữu ích cho việc ra quyết định kinh tế. Trong bối cảnh đó, chương trình đào tạo chuyên ngành kiểm toán của các trường đại học cần phải đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán có đầy đủ năng lực cần thiết, đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của các công ty kiểm toán. Tuy nhiên, thời gian gần đây có nhiều ý kiến cho rằng mức độ đáp ứng yêu cầu thực tế của các nhà tuyển	- Xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên. - Xác định khoảng cách giữa yêu cầu thực tế và mức độ đáp ứng (năng lực) của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán (bậc đại học) về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên. - Đề xuất hướng điều chỉnh chương trình giảng dạy kiểm toán phù hợp với yêu cầu thực tế.	Chương 1: Tổng quan về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên và các nghiên cứu liên quan Chương 2: Thiết kế nghiên cứu Chương 3: Kết quả nghiên cứu Chương 4: Kết luận và hàm ý từ kết quả nghiên cứu	- Kết quả dự kiến: Dự đoán có khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu thực tế và mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán (bậc đại học) về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên. - Sản phẩm + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 1 bài - Hiệu quả dự kiến: Kết quả nghiên cứu có thể gợi ý điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành kiểm toán ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế trong lĩnh vực kiểm toán.	24 tháng	72 triệu		

		<p>dụng của sinh viên tốt nghiệp các trường đại học nói chung rất thấp. Trước thực trạng này, đề tài nhằm xác định khoảng cách giữa yêu cầu thực tế và mức độ đáp ứng (năng lực) của sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành kiểm toán về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết đối với kiểm toán viên. Từ đó, giúp các trường đại học nói chung và Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng nói riêng điều chỉnh chương trình giảng dạy chuyên ngành kiểm toán nhằm đáp ứng tốt yêu cầu thực tế của các công ty kiểm toán.</p>							
5	<p>Vai trò của quản trị công ty trong quyết định nắm giữ vốn và lựa chọn hình thức</p>	<p>Ở Việt Nam, hoạt động sáp nhập và mua lại (M&A) khởi động từ năm 2000 và gia tăng nhanh chóng về số lượng và giá trị các thương vụ. Thống kê từ SDC Platinum cho thấy các giao dịch M&A năm sau đã gấp 5-6</p>	<p>- Phân tích thực trạng chất lượng quản trị công ty và kết quả tài chính của các công ty mục tiêu (công ty bị thầu tóm) trước, trong và sau khi có</p>	<p>Đề tài gồm 4 chương Chương 1: Khảo sát các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trước đây về mối quan hệ giữa quản trị công ty, tỷ lệ nắm</p>	<p>* Hiệu quả dự kiến: Đề tài khảo sát các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trước đây về mối quan hệ giữa quản trị công ty, tỷ lệ nắm giữ vốn, và hình thức M&A; tính cấp thiết phải nghiên cứu; đánh giá thực trạng và đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm hoàn</p>	18	70	70	

sáp nhập và mua lại ở Việt Nam	<p>lần năm trước về tổng giá trị và gấp 2-3 lần về số lượng. Trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên của tất cả các tổ chức quốc tế lớn như Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, cộng đồng kinh tế ASEAN,... và đã tham gia, ký kết, đàm phán tổng cộng 15 hiệp định thương mại tự do (FTA) trong đó có các FTA quan trọng như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định đối tác toàn diện khu vực (RCEP)... Việc tham gia, thực thi các hiệp định thương mại tự do tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và hứa hẹn một sự bùng nổ các thương vụ M&A trong thời gian đến. Một trong những vấn đề mấu chốt cần nắm vững khi nghiên cứu về M&A là tìm hiểu động cơ của công ty đi sâu tóm trong</p>	<p>thương vụ M&A ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và đánh giá tỷ lệ nắm giữ vốn trong các thương vụ M&A ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015. - Phân tích và đánh giá hình thức M&A trong các thương vụ ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015. - Phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa chất lượng quản trị công ty, sở hữu vốn, và hình thức M&A trong các thương vụ ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015. - Đề xuất một số gợi ý nhằm hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động M&A, góp 	<p>giữ vốn, và hình thức M&A.</p> <p>Chương 2: Nghiên cứu thực nghiệm về chất lượng quản trị công ty và kết quả tài chính của các công ty mục tiêu (công ty bị thôn tóm) trước, trong và sau khi có thương vụ M&A ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015.</p> <p>Chương 3: Nghiên cứu thực nghiệm về mối quan hệ giữa quản trị công ty, sở hữu vốn, và hình thức M&A ở Việt Nam giai đoạn 2000-2015.</p> <p>Chương 4: Một số gợi ý nhằm hoàn thiện khung pháp lý về</p>	<p>thiện khung pháp lý về hoạt động M&A ở Việt Nam.</p> <p>Kết quả nghiên cứu là tài liệu khoa học hữu ích cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC); - Cục Đầu tư nước ngoài; Cục Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thuộc Bộ Tài chính; - Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại thuộc Bộ Công thương. <p>Quá trình nghiên cứu còn góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên tham gia đề tài thông qua việc công bố 01 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus/ABDC; và 02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục chức danh giáo sư nhà nước. Quá trình nghiên cứu cũng góp phần hướng dẫn, hỗ trợ đào tạo 01 NCS.</p>				
--------------------------------	--	---	---	--	--	--	--	--

		<p>việc tìm kiếm những tỷ lệ nắm giữ vốn khác nhau (mua một phần vốn, hoặc mua vốn quá bán, hoặc mua toàn bộ lượng vốn cổ phần) tại công ty mục tiêu. Ngoài ra, việc tìm hiểu nguyên nhân lựa chọn các hình thức M&A (M&A nội địa và M&A xuyên biên giới) cũng có ý nghĩa lớn đối với Việt Nam. Nói cách khác, trong những năm qua, bên cạnh các đối tác chiến lược nước ngoài, các công ty Việt Nam, trong đó có các công ty thuộc khối tư nhân, chủ động đóng vai trò là công ty đi đầu. Việc tìm hiểu động cơ của xu thế này mang tính cấp thiết cao. Năm vững được động cơ này sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn được các đối tác thân thiện, tránh được các thương vụ thù địch. Điều này càng trở nên quan trọng xét trong mối quan hệ</p>	<p>phần nâng cao hiệu quả thu hút đối với thị trường M&A Việt Nam.</p>	<p>hoạt động M&A ở Việt Nam.</p>	<p>* Kết quả dự kiến: - Phân tích và đánh giá chất lượng quản trị công ty và kết quả tài chính của các công ty mục tiêu; - Phân tích và đánh giá mối quan hệ giữa quản trị công ty, sở hữu vốn, và hình thức M&A; - Đề xuất một số gợi ý chính sách nhằm hoàn thiện khung pháp lý về hoạt động M&A ở Việt Nam.</p> <p>* Sản phẩm: - Sản phẩm khoa học: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: 01 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục ISI hoặc Scopus hoặc ABDC. + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục chức danh giáo sư nhà nước. - Sản phẩm đào tạo: + Số lượng NCS: 01 - Sản phẩm ứng dụng: + Báo cáo khoa học các chuyên đề + Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài</p>				
--	--	--	--	--------------------------------------	--	--	--	--	--

		<p>với hoạt động quản trị công ty, giúp cải thiện hoạt động doanh nghiệp, tăng cường khả năng chống đỡ với rủi ro, tăng giá trị bền vững cho doanh nghiệp, đặc biệt khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Một điểm quan trọng khác, hiện nay các quy định về hoạt động M&A nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật (Luật doanh nghiệp, Luật cạnh tranh, Luật đầu tư, Luật chứng khoán). Nhiều văn bản nhưng lại thiếu một văn bản luật hay một hướng dẫn thống nhất, vừa làm cho các chủ thể tham gia gặp khó khăn trong việc thực hiện, vừa làm cho các cơ quan quản lý Nhà nước khó kiểm soát. Thông qua các kết quả thực nghiệm, đề tài cũng đưa ra một số gợi ý đối với các nhà quản lý nhằm hoàn thiện khung</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		pháp lý về hoạt động M&A, góp phần nâng cao hiệu quả thu hút đối với thị trường M&A Việt Nam.							
6	Tiết kiệm tư nhân ở Việt Nam	Tiết kiệm và đầu tư là một nguồn lực quan trọng nhằm gia tăng tích lũy vốn vật chất, năng suất, và qua đó tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, một câu hỏi thực nghiệm là nhân tố nào ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm của khu vực tư nhân ở Việt Nam. Nghiên cứu này sẽ tập trung vào tác động của chính sách tài khóa và đưa ra một số khuyến nghị khả thi.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các nhân tố quyết định đến tiết kiệm tư nhân Việt Nam - Đề xuất chính sách liên quan đến việc sử dụng nguồn lực này 	<ul style="list-style-type: none"> - Chương 1: Cơ sở lý thuyết về tiết kiệm tư nhân - Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm tư nhân ở Việt Nam - Chương 3: Kết luận và khuyến nghị 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự hội nghị, hội thảo - Đăng 1 bài báo khoa học trên tạp chí trong nước - Sử dụng trong giảng dạy 	24 tháng	30 triệu		
7	Nghiên cứu thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng: So sánh với Tp. HCM và Hà Nội	Trong những năm gần đây, Việt Nam chứng kiến sự bùng nổ nhanh chóng của Internet. Tại Châu Á, Việt Nam xếp vào một trong những quốc gia có tốc độ và số lượng người sử dụng thuộc loại cao, nằm ở vị trí thứ 6 trong Top 10 quốc gia, sau Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,	Nghiên cứu hướng đến các mục tiêu cụ thể: -Xác định thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng. Các công cụ,	Phân mở đầu: Đặt vấn đề:mô tả bối cảnh và tính cấp thiết của đề tài. Mục tiêu nghiên cứu, phương pháp và phạm vi nghiên cứu. Chương 1: Những vấn đề cơ bản về	6.1 Kết quả dự kiến - Đề tài chỉ ra được thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng như: Các công cụ marketing online, nguồn lực, thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng marketing online - Đề tài chỉ ra được thực trạng ứng dụng	24 tháng	80 triệu		

		<p>Hàn Quốc và Indonexia... Theo IWS. 20,2% dân số Việt nam sử dụng Internet, người dùng Internet là quá trẻ, với khoảng 80% người dùng ở dưới độ tuổi 30(và 70% trong đó dưới 24 tuổi). Cùng với đó là các hình thức xã hội ảo forum và blog như: myspace.com; facebook.com; zing.vn; tamtay.vn ngày càng nhiều thành viên tham gia. Đây là công cụ mới để doanh nghiệp và những người làm marketing tiếp cận với thị trường và khách hàng mục tiêu thông qua các hình thức Marketing trực tuyến (E – Marketing).</p> <p>Marketing trực tuyến tại Việt Nam chưa phát triển tương xứng với thị trường internet rộng lớn với hơn 20 triệu người sử dụng, tức 20 triệu khách hàng tiềm năng. Chủ yếu hiện nay vẫn là quảng cáo</p>	<p>thuận lợi và khó khăn</p> <p>-Xác định thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.</p> <p>-Tương quan so sánh thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội</p> <p>-Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng marketing online cho các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ tại Đà Nẵng dựa trên những ứng dụng thành công tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội</p>	<p>marketing online.</p> <p>Chương 2: Thực trạng ứng dụng marketing online trên thế giới và ở Việt Nam</p> <p>Chương 3: Thiết kế nghiên cứu</p> <p>Chương 4: Khảo sát thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng</p> <p>Chương 5: Khảo sát thực trạng ứng dụng marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội</p> <p>Chương 6: Đề xuất những giải pháp</p>	<p>marketing online của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội như :</p> <p>Các công cụ marketing online, nguồn lực, thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng marketing online</p> <p>- Đề tài chỉ ra được những trường hợp ứng dụng marketing online thành công mang lại hiệu quả cho các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Thành Phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.</p> <p>- Thông qua phỏng vấn nhóm đối với các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ tại Đà Nẵng về thực trạng và sự khác biệt của các địa phương trong ứng dụng marketing online, đề tài đưa ra được các đề xuất hữu ích nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng marketing online cho các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ tại Đà Nẵng.</p> <p>6.2. Sản phẩm</p> <p>- Sản phẩm khoa học:</p> <p>+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: + Số bài</p>				
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		<p>dạng banner/pop-ups hay mua từ khóa của công cụ tìm kiếm, nhưng còn rất nghèo nàn, đơn điệu về hình thức, cũng như thiếu chuẩn hóa (ví dụ: chuẩn Display Impressions năm 2003 hay Digital Video Impressions năm 2006 như của IAB, Mỹ). Những hình thức marketing, quảng cáo trực tuyến khác còn sơ khai và chưa thực sự được sử dụng rộng rãi trong giới làm marketing tại Việt Nam. Theo ông Aaron Cross, Giám đốc điều hành Công ty Nghiên cứu thị trường Nielsen Vietnam, do tính chất phân nhánh mạnh mẽ của internet, các nhà làm marketing dễ bị rơi vào cảnh không nhận biết được phân khúc thị trường và khách hàng mục tiêu để quảng cáo. Chưa kể đa số người sử dụng Internet Việt Nam là giới trẻ đã không hấp dẫn nhiều doanh nghiệp có sản</p>		<p>nâng cao hiệu quả ứng dụng marketing online cho các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ tại Đà Nẵng dựa trên những ứng dụng thành công tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội</p> <p>Phần Kết luận</p>	<p>báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm đào tạo: Số lượng cao học, số lượng NCS - Sản phẩm ứng dụng: <p>+ Đề tài có tính ứng dụng lớn đối với các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ trên thị trường Đà Nẵng. Là tài liệu tham khảo hữu ích cho các đơn vị này trong quá trình ứng dụng marketing online vào hoạt động kinh doanh của mình.</p> <p>+ Đề tài là bức tranh toàn diện về thực trạng ứng dụng marketing online tại Thị trường Đà Nẵng làm tài liệu tham khảo hữu ích cho các đơn vị, phòng ban chức năng trong quản lý kinh tế địa phương.</p> <p>Hiệu quả dự kiến:</p> <p>Đề tài có tác động đến nhận thức của các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng về tầm quan trọng cũng như lợi ích của marketing online. Đồng thời đề tài có sức ảnh hưởng và định hướng đến phương hướng tổ chức và hoạt</p>				
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

		<p>phẩm nhắm vào phân khúc khách hàng lớn tuổi hơn.</p> <p>Dù là ở quy mô rất nhỏ, các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Việt Nam nói chung và Đà Nẵng nói riêng hiện đang nhận thức được tầm quan trọng và lợi ích của marketing online trong hoạt động kinh doanh của họ nên một số đơn vị đang từng bước triển khai các hoạt động marketing online như: sử dụng website, fanpage, blog, sms... để tiếp cận khách hàng. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là 2 trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, đặc điểm thị trường rộng lớn và cởi mở nên các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở đây có cơ hội tiếp cận xu thế điện tử hóa nhanh chóng, do vậy các công cụ và ứng dụng marketing online được khai thác triệt để và hiệu quả. Không như ở Thành</p>			<p>động marketing online của đa số các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ trên khắp địa bàn Đà Nẵng. Đề tài hy vọng mang đến cho giới hữu quan và các cơ quan chức năng của Đà Nẵng một góc nhìn mới về ứng dụng marketing online tại các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ. Cuối cùng đề tài mong muốn sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ, các doanh nghiệp lớn nhỏ và là tài liệu hữu ích cho những tác giả nghiên cứu về marketing online ở thị trường Đà Nẵng.</p>				
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		<p>phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, các đơn vị ở Đà Nẵng hiện nay gặp rất nhiều khó khăn và rào cản trong việc ứng dụng marketing online bởi quy mô và tốc độ phát triển của thị trường. Nghiên cứu muốn chỉ ra thực trạng ứng dụng marketing online tại các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ tại Đà Nẵng, so sánh với thực trạng ứng dụng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Từ đó nghiên cứu mong đưa ra các giải pháp thiết thực giúp các đơn vị kinh doanh siêu nhỏ ở Đà Nẵng ứng dụng marketing online một cách hiệu quả.</p>							
8	<p>Ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận đến tính thông tin của giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>Các nhà kinh tế học tài chính lập luận rằng sự biến động của giá cổ phiếu có quan hệ chặt chẽ với việc công bố những thông tin mới liên quan đến giá trị công ty trên thị trường. Tuy nhiên, Roll (1988) thấy rằng chỉ một phần nhỏ biến động giá cổ phiếu có</p>	<p>Đề tài sẽ hướng đến mục tiêu là đánh giá đánh giá được ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị trong các công ty niêm yết trên thị trường chứng</p>	<p>Chương 1: Cơ sở lý luận về hành vi điều chỉnh lợi nhuận và tính thông tin của giá cổ phiếu Khái quát về hành vi điều chỉnh lợi nhuận</p>	<p>Kết quả dự kiến: Hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị làm giảm tính thông tin của giá cổ phiếu. Sản phẩm khoa học: Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 2 Sản phẩm ứng dụng: Báo cáo tổng kết sẽ được</p>	24 tháng	72 triệu		

		<p>thể được giải thích bởi thông tin mới được công bố chính thức đến thị trường, và dự đoán rằng giao dịch dựa trên những thông tin đặc thù công ty không được công bố chính thức của nhà đầu tư có thể tác động đến sự biến động của giá. Các kết quả này đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu về mối quan hệ giữa thông tin và sự biến động giá cổ phiếu. Quá trình thu thập, phân tích thông tin đặc thù công ty có liên quan đến giá trị và giao dịch cổ phiếu của công ty dựa trên các thông tin đó gọi là quá trình chuyên hóa thông tin vào giá cổ phiếu, dẫn đến giá cổ phiếu mang tính thông tin (Informativeness). Giá cổ phiếu phản ánh cả thông tin vĩ mô và thông tin đặc thù công ty. Thông tin vĩ mô ảnh hưởng đến toàn bộ cổ phiếu trên thị trường, trong khi</p>	<p>khoán Việt Nam đến tính thông tin của giá cổ phiếu của công ty.</p>	<p>Khái quát về tính thông tin của giá cổ phiếu Các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến tính thông tin của giá cổ phiếu Giả thuyết về ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận đến tính thông tin của giá cổ phiếu Chương 2: Thiết kế nghiên cứu 2.1. Mẫu nghiên cứu 2.2. Xây dựng các biến nghiên cứu 2.3. Mô hình nghiên cứu Chương 3: Kết quả nghiên cứu 3.1. Thống kê mô tả hành vi điều chỉnh lợi nhuận và tính thông tin của giá cổ phiếu</p>	<p>chuyển giao cho Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Kinh tế đồng thời cũng sẽ được chuyển giao cho cơ quan quản lý, công ty chứng khoán. - Hiệu quả dự kiến: Kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng làm: + Tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách để có căn cứ xây dựng các chính sách quản lý về mặt vĩ mô, đảm bảo cho thị trường hoạt động hiệu quả. + Tài liệu tham khảo cho các nhà quản trị công ty để có căn cứ xây dựng các giải pháp nhằm gia tăng tính minh bạch thông tin công ty và hướng đến tăng giá trị công ty. + Tài liệu tham khảo cho các nhà đầu tư để có cơ sở ra quyết định đầu tư hiệu quả.</p>				
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

		<p>đó thông tin đặc thù công ty chỉ ảnh hưởng đến biến động giá cổ phiếu của công ty. Tính thông tin của giá cổ phiếu cao hàm ý rằng giá cổ phiếu chứa đựng nhiều thông tin đặc thù công ty và ít thông tin chung của thị trường (Roll, 1988).</p> <p>Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị đến tính thông tin của giá cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các nghiên cứu trước đây trên thế giới cho thấy hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị có thể làm giảm tính thông tin của giá cổ phiếu thông qua việc làm giảm tính minh bạch thông tin doanh nghiệp (Jin & Myers, 2006; Jing, 2007; Hutton, Marcus & Tehranian, 2009). Tuy nhiên, sự khác nhau về môi trường thể chế và môi trường</p>		<p>của các công ty niêm yết</p> <p>3.2. Ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận đến tính thông tin của giá cổ phiếu</p> <p>3.3. Kiểm định tính bền vững của kết quả nghiên cứu</p> <p>Chương 4: Kết luận và hàm ý chính sách</p> <p>4.1. Kết luận</p> <p>4.2. Các hàm ý chính sách</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

		<p>thông tin giữa các quốc gia có thể ảnh hưởng đến quan hệ giữa hành vi điều chỉnh lợi nhuận và tính thông tin của giá cổ phiếu. Điều này có thể dẫn đến việc nghiên cứu về vấn đề này tại các quốc gia khác nhau sẽ có sự khác biệt về kết quả nghiên cứu. Phần lớn các nghiên cứu về ảnh hưởng của hành vi điều chỉnh lợi nhuận của nhà quản trị đến tính thông tin của giá cổ phiếu được thực hiện ở các nước phát triển, số lượng các nghiên cứu được thực hiện tại các nước đang phát triển còn hạn chế. Cho đến nay, chưa có một nghiên cứu nào về vấn đề này được công bố chính thức tại Việt Nam.</p> <p>Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Trước hết, về mặt lý luận, nghiên cứu làm rõ mối quan hệ giữa hành vi điều chỉnh lợi nhuận và tính thông</p>							
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		tin của giá cổ phiếu gắn với bối cảnh một nước đang phát triển. Ngoài ra, về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu cung cấp những hàm ý chính sách đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các nhà quản trị công ty và nhà đầu tư.							
9	Nghiên cứu mối liên kết giữa hệ thống tài khoản quốc gia và mô hình cân bằng tổng quát	Các nhà kinh tế sử dụng hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) để phân tích ảnh hưởng các thành phần và sự chuyển dịch kinh tế, và sử dụng mô hình cân bằng tổng quát (CGE) để hoạch định tác động các chính sách đến sự chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, sự liên kết hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) với mô hình cân bằng tổng quát (CGE) vẫn chưa có nghiên cứu và là thách thức trong phân tích và hoạch định chính sách kinh tế. Bằng cách liên kết dữ liệu kinh tế từ	Đề tài nghiên cứu mối liên kết giữa hệ thống tài khoản quốc gia với mô hình cân bằng tổng quát nhằm cung cấp cơ sở cho việc phát triển các công cụ phân tích và hoạch định chính sách đến sự chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế.	Đề tài gồm những phần nội dung chính sau: - Nghiên cứu các tiếp cận hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) trên cơ sở tích hợp dữ liệu kinh tế với ma trận hoạch toán xã hội (SAM) cho phân tích chính sách kinh tế. - Xây dựng ma trận hoạch toán xã hội (SAM) trên cơ sở tích hợp dữ liệu kinh tế với cân bằng	Hiệu quả dự kiến: - Cơ sở nền tảng để hiểu được sự vận hành của nền kinh tế phục vụ giảng dạy kinh tế học. - Khuôn khổ liên kết dữ liệu thống kê kinh tế với công cụ hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô. - Cơ sở lý thuyết và hướng phát triển công cụ phân tích và hoạch định chính sách kinh tế. Sản phẩm và kết quả dự kiến: - Sản phẩm khoa học: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: 1	24 tháng	72 triệu đồng		

		(SNA) với công cụ phân tích chính sách từ (CGE) thông qua ma trận hạch toán xã hội (SAM), nghiên cứu cung cấp cơ sở cho việc phát triển các công cụ phân tích và hoạch định chính sách đến sự chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế.		tổng quát của nền kinh tế. - Phát triển mô hình cân bằng tổng quát (CGE) trên cơ sở dữ liệu kinh tế (SAM) và các cân bằng vĩ mô, các hàm ý cho việc vận dụng và phân tích chính sách.	+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 1 - Sản phẩm đào tạo: 1 cao học - Sản phẩm ứng dụng: + Tổng cục thống kê + Các viện nghiên cứu và trường đại học. + Các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách kinh tế.				
10	Xây dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay	Kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa là việc rất mới mẻ và đầy khó khăn, phức tạp đối với các doanh nghiệp ở nước ta. Trong nguồn lực tinh thần của các doanh nghiệp chúng ta có thể đề cập đến đó là: triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa kinh doanh Xây dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng là việc làm hết sức	Mục tiêu của đề tài là trên cơ sở phân tích thực trạng xây dựng triết lý kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng và đề xuất một số phương hướng, giải pháp định hướng xây	Chương 1 TRIẾT LÝ KINH DOANH – MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN 1.1 Triết lý và triết lý kinh doanh 1.1.1. Triết lý 1.1.2. Kinh doanh	6.1. Sản phẩm - Sản phẩm khoa học: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: + Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 1 bài - Sản phẩm đào tạo: Số lượng tiến sĩ, số lượng thạc sĩ : - Sản phẩm ứng dụng: Mô tả tóm tắt về sản phẩm dự kiến, phạm vi,	Từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2018	80 triệu	80 triệu	0

		cần thiết với mục tiêu phát triển bền vững	dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp này.	<p>1.1.3. Triết lý trong lĩnh vực kinh doanh</p> <p>1.1.4. Kinh doanh du lịch có triết lý và vai trò của triết lý kinh doanh</p> <p>1.2 Những nhân tố ảnh hưởng tới việc xây dựng triết lý kinh doanh trong các doanh nghiệp du lịch</p> <p>1.2.1 Thị trường và cơ chế thị trường</p> <p>1.2.2 Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước</p>	<p>khả năng và địa chỉ ứng dụng:</p> <p>Kết quả đề tài là đánh giá đúng thực trạng xây dựng triết lý kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng hiện nay. Tạo cơ sở cho các cấp chính quyền của Thành phố Đà Nẵng, cũng như các doanh nghiệp du lịch Đà Nẵng có những chiến lược và giải pháp để xây dựng triết lý kinh doanh đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế .</p> <p>- Các sản phẩm khác:</p> <p>6.2. Kết quả dự kiến:</p> <p>Công trình khoa học là bước đầu nghiên cứu về triết lý kinh doanh trong lĩnh vực du lịch tại thành phố Đà Nẵng, một địa phương có rất nhiều lợi</p>				
--	--	--	--	---	---	--	--	--	--

			<p>1.2.3 Nhận thức của cán bộ, nhân viên đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh du lịch</p> <p>1.2.4 Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>1.2.5 Yếu tố văn hoá, phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc</p> <p>Chương 2 XÂY DỰNG TRIẾT LÝ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP DU LỊCH Ở</p>	<p>thể cho ngành công nghiệp không khói. Từ đó, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và doanh nghiệp trong việc chú trọng xây dựng triết lý kinh doanh góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành du lịch trong tổng thể chiến lược phát triển của thành phố theo hướng bền vững.</p>				
--	--	--	---	---	--	--	--	--

				<p>THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA</p> <p>2.1. Thực trạng xây dựng triết lý kinh doanh ở các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng hiện nay</p> <p>2.1.1. Tổng quan về các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch ở thành</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>phố Đà Nẵng hiện nay</p> <p>2.1.2. Những nội dung các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng đã làm được trong quá trình xây dựng triết lý kinh doanh</p> <p>2.1.3. Những nội dung các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng chưa làm được trong quá trình xây dựng triết lý kinh doanh</p> <p>2.1.4. Nguyên nhân của những nội dung trong triết lý kinh</p>					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				<p>doanh đã làm được và chưa làm được</p> <p><i>2.1.4.1. Nguyên nhân của những nội dung trong triết lý kinh doanh đã xây dựng được</i></p> <p><i>2.1.4.2. Nguyên nhân của những nội dung trong triết lý kinh doanh chưa xây dựng được</i></p> <p>2..2. Những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp du lịch</p>					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				<p>ở thành phố Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay</p> <p>2.2.1. Xây dựng triết lý kinh doanh phải phù hợp điều kiện thực tiễn thành phố Đà Nẵng, có khả năng thực hiện được và giúp doanh nghiệp phát triển bền vững</p> <p>2.2.2. Xây dựng triết lý kinh doanh phải tuân thủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>nước và hướng tới xây dựng văn hoá doanh nghiệp</p> <p>2.2.3. Xây dựng triết lý kinh doanh phải hướng tới xây dựng đạo đức doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.</p> <p>Chương 3</p> <p>MỘT SỐ PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG TRIẾT LÝ KINH DOANH</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>CHO CÁC DOANH NGHIỆP DU LỊCH Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY</p> <p>3.1. Phương hướng để xây dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp ở thành phố Đà Nẵng hiện nay</p> <p>3.2. Các giải pháp nhằm xây dựng triết lý kinh doanh cho các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng hiện nay</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>3.2.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên ngành du lịch thành phố Đà Nẵng về tầm quan trọng của việc xây dựng triết lý kinh doanh</p> <p>3.2.2. Từng bước hoàn thiện nội dung triết lý kinh doanh cần xây dựng trong các doanh nghiệp du lịch ở thành phố Đà Nẵng</p> <p>3.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh doanh du lịch</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>có năng lực và phẩm chất</p> <p>3.2.4. Hoàn thiện môi trường thể chế, pháp lý cho triết lý kinh doanh chân chí</p>					
11	<p>Giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay</p>	<p>Lực lượng thanh niên, đặc biệt là sinh viên có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội</p> <p>Sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng là một bộ phận thanh niên ưu tú, giàu tâm huyết, nhiệt tình và say mê với lý tưởng cách mạng. Họ là những người rất nhạy cảm với cái mới, thích nghi nhanh chóng với sự thay đổi của điều kiện và hoàn cảnh sống. Tuy nhiên, do tuổi đời còn trẻ, kinh nghiệm sống chưa nhiều, làm cho sinh viên rất dễ</p>	<p>Trên cơ sở phân tích lý luận và từ thực trạng giáo dục ý thức chủ quyền biển đảo cho sinh viên ở thành phố Đà Nẵng hiện nay, đề tài xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.</p>	<p>Chương 1: YÊU CẦU KHÁCH QUAN CỦA VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN HIỆN NAY</p> <p>1.1. Lý luận về ý thức chính trị, giáo dục ý thức chính trị</p> <p>1.2. Vai trò của giáo dục ý thức chính trị chủ quyền biển đảo</p>	<p>Sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: - Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 1 bài - Số lượng sách xuất bản: <p>Sản phẩm đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng tiến sĩ: - Số lượng thạc sĩ : 	<p>Từ tháng 1/2017</p> <p>-</p> <p>12/2018</p>	100 triệu	100 triệu	0

		<p>bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực từ các kênh thông tin khác nhau. Vấn đề chủ quyền biển đảo trên biên Đông trong những năm gần đây đang tác động rất lớn tới sinh viên thành phố Đà Nẵng từ nhiều góc độ khác nhau.</p>		<p>1.3. Bối cảnh giáo dục ý thức chủ quyền biển đảo cho sinh viên</p> <p>1.3.1. Những nhân tố ảnh hưởng tới việc bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên hiện nay</p> <p>1.3.2. Những yêu cầu cơ bản trong việc giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo</p> <p>Chương 2: THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG</p>					
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

				<p>Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY</p> <p>2.1. Tổng quan về các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng.</p> <p>2.2. Thực trạng công tác giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay</p> <p>2.3. Những vấn đề đặt ra cho công tác giáo dục ý thức chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.</p> <p>Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ</p>					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

				<p>MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ NHẪM NÂNG CAO CÔNG TÁC GIÁO DỤC Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIÊN ĐẢO CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG HIỆN NAY</p> <p>3.1. Một số phương hướng cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biên đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.</p> <p>3.2. Một số giải pháp cơ</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

				<p>bản đề nâng cao chất lượng giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Đà Nẵng hiện nay.</p> <p>3,3. Kiến nghị</p>					
12	<p>Lợi thế thương mại, tài sản vô hình khác và minh bạch thông tin giao dịch hợp nhất kinh doanh</p>	<p>Mặc dù quy định về ghi nhận và công bố thông tin liên quan đến hợp nhất kinh doanh có hiệu lực từ năm 2006, sau 10 năm chúng tôi vẫn chưa tìm thấy nghiên cứu về chủ đề này ở Việt Nam. <i>Việc thực hiện đề tài sẽ giúp làm sáng tỏ thực trạng vận dụng các nguyên tắc ghi nhận và công bố thông tin về hợp nhất kinh doanh của các công ty trong thời gian qua, phát hiện những bất thường trong việc ghi</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng và những bất thường trong việc ghi nhận các yếu tố hình thành từ hợp nhất kinh doanh - Đánh giá mức độ minh bạch thông tin về hợp nhất kinh doanh - Ảnh hưởng của hành vi của người quản lý đến chất lượng thông tin tài chính - Đưa ra được các giải pháp nhằm minh 	<ul style="list-style-type: none"> - Khuôn khổ lý thuyết về hợp nhất kinh doanh - Thực trạng ghi nhận giá trị lợi thế thương mại và TS vô hình khác của các công ty - thực trạng công bố thông tin về hợp nhất kinh doanh - Nhận diện những bất cập về ghi nhận và công bố thông tin hợp nhất kinh doanh 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp tài liệu cho quản lý nhà nước - Nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố khoa học - 01 báo cáo hội thảo quốc tế, 01 bài báo đăng trong tạp chí có uy tín 	2 năm	80 triệu	80 triệu	

		<i>nhận các yếu tố sinh ra từ hợp nhất kinh doanh; qua đó cung cấp bằng chứng thực tiễn cho các cơ quan quản lý để quản lý, điều hành giúp làm minh bạch thị trường đối với hoạt động mua bán, sáp nhập.</i>	bạch thông tin tài chính hoạt động hợp nhất kinh doanh	- Giải pháp hoàn thiện chính sách và chế tài					
13	Nghiên cứu tác động của chiến lược đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trong bối cảnh mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng đang ngày càng gia tăng, đa dạng hóa bằng việc mở rộng danh mục các hoạt động kinh doanh được xem là bước đi cần thiết để thúc đẩy khả năng sinh lời đồng thời giảm thiểu rủi ro cho các ngân hàng. Điểm mới của nghiên cứu này là: xem xét tác động của đa dạng hóa đến hiệu quả của hoạt động ngân hàng ở cả ba mặt: đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa tài sản và đa dạng hóa nguồn vốn. Mẫu dữ liệu thu thập sẽ là mẫu dữ liệu lớn	Nghiên cứu mối quan hệ giữa đa dạng hóa với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Cụ thể nghiên cứu trả lời 02 câu hỏi: + Đa dạng hóa có tác động như thế nào đến khả năng sinh lời	Chương 1: Tổng quan nghiên cứu về tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại Chương 2: Khái quát về tình hình đa dạng hóa thu nhập của các ngân hàng thương mại Việt Nam	- Hiệu quả kinh tế: Kết quả nghiên cứu sẽ giúp cho cơ quan quản lý nhà nước (có thể là ngân hàng nhà nước) đánh giá khách quan về vai trò của đa dạng hóa đối với hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, ngân hàng nhà nước có thể có những chính sách phù hợp để hỗ trợ cho các ngân hàng thương mại trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.	24 tháng	50 triệu	50 triệu	

		nhất từ trước đến nay: 41 ngân hàng thương mại. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp làm rõ ảnh hưởng của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam.	của ngân hàng? + và đa dạng hóa có tác động như thế nào đến rủi ro của ngân hàng?	Chương 3: Dữ liệu, mô hình và phương pháp nghiên cứu Chương 4: Kết quả nghiên cứu và thảo luận Chương 5: Kết luận	- Hiệu quả đào tạo: Nghiên cứu tổng quan tài liệu về tác động của đa dạng hóa đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại có thể được sử dụng như bài giảng để cập nhật cơ sở lý thuyết cho các sinh viên khi tìm hiểu về quản trị ngân hàng. - Sản phẩm khoa học: 01 bài báo quốc tế.				
14	NGHIÊN CỨU TÁC ĐỘNG CỦA TỈ LỆ HOÀN THÀNH MUA LẠI CỔ PHẦN ĐẾN LỢI NHUẬN CỔ PHIẾU CỦA CÁC DOANH	Mua lại cổ phần lần đầu tiên xảy ra tại Hoa Kỳ với 750 tỷ đô la đã được công bố để mua lại cổ phiếu trong giai đoạn 1985-1999 (Grullon & Ikenberry, 2000). Các công ty của Mỹ đạt đến sự đỉnh điểm trong việc mua lại cổ phần vào năm 2005	+ Xác định sự tồn tại của lợi nhuận bất thường (ngắn hạn và dài hạn) sau thông báo mua lại cổ phần + Xác định mối quan hệ giữa tỉ lệ hoàn thành	Đề tài gồm 4 chương Chương 1: Khảo sát các nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm trước đây về mua lại cổ phiếu và mối quan hệ giữa tỉ lệ hoàn thành mua lại, tỉ lệ mua lại dự kiến, các yếu tố đặc trưng doanh nghiệp với lợi nhuận	* Hiệu quả dự kiến: -Từ góc độ lý thuyết, đề tài nghiên cứu đóng góp thêm vào cho cơ sở lý thuyết hiện tại về mua lại cổ phiếu và tác động của tỉ lệ hoàn thành mua lại cổ phiếu cùng với các biến kiểm soát khác đến lợi nhuận bất thường và xem xét nghiên cứu lợi nhuận bất thường cả trong ngắn hạn lẫn dài hạn sau thông báo mua lại cổ phiếu được thực hiện ở Việt Nam có kết quả tương đồng với các	24	40	40	

<p>NGHIỆP: BẢNG CHỨNG TỪ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM</p>	<p>với 400 tỉ đô la (Vermaelen, 2006). Mặc dù nguyên nhân và hậu quả của việc mua lại cổ phiếu còn đang đặt ra nhiều nghi vấn, nhưng hoạt động này sau đó ngày càng trở nên phổ biến ở Anh, các nước lục địa châu Âu và ở các thị trường châu Á như Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc trong những năm 1990s. Theo đó, trên thế giới từ lâu đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của chương trình mua lại cổ phiếu lên trên giá cổ phiếu hoặc lợi nhuận cổ phiếu. Các kết quả nghiên cứu cho thấy việc mua lại</p>	<p>mua lại cổ phần và lợi nhuận bất thường trong ngắn hạn đối với hoạt động mua lại cổ phần của các doanh nghiệp + Xác định mối quan hệ giữa một số biến kiểm soát (tỉ lệ mua lại dự kiến, tỉ số tiền mặt/tổng tài sản của doanh nghiệp, tỉ số giá trị thị trường trên giá trị sổ sách) và lợi nhuận bất thường ngắn hạn của các doanh nghiệp.</p>	<p>bất thường ngắn hạn. Chương 2: Phương pháp nghiên cứu Chương 3: Nghiên cứu lợi nhuận bất thường (ngắn hạn, dài hạn) của cổ phiếu sau thông báo mua lại và mối quan hệ giữa tỉ lệ thực hiện mua lại, tỉ lệ mua lại dự kiến, các yếu tố đặc trưng doanh nghiệp với lợi nhuận bất thường ngắn hạn Chương 4: Kết luận và khuyến nghị.</p>	<p>nghiên cứu trên thế giới hay không. -Từ góc độ thực tiễn, kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý doanh nghiệp hiểu rõ hơn về những tác động của việc thực hiện mua lại cổ phiếu khi họ quyết định sử dụng công cụ này nhằm giảm đà sụt giá của cổ phiếu hay mong muốn hưởng lợi nhuận bất thường trong ngắn hạn-dài hạn. Đối với các nhà đầu tư, có thể là một cơ sở tham khảo cho quyết định đầu tư của họ trước thông báo mua lại cổ phiếu và tỉ lệ hoàn thành thực hiện của các doanh nghiệp. -Quá trình nghiên cứu còn góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên tham gia đề tài</p>	<p>* Kết quả dự kiến: - Phân tích xác định sự tồn tại của lợi nhuận bất thường (ngắn hạn và dài hạn) sau thông báo mua lại cổ phần - Phân tích xác định mối quan hệ giữa tỉ lệ hoàn thành mua lại cổ phần, tỉ lệ mua lại dự kiến và các yếu tố đặc trưng doanh</p>				
---	---	--	--	--	---	--	--	--	--

		<p>cổ phiếu mang lại những kết quả khác nhau liên quan đến lợi nhuận bất thường trong ngắn hạn và dài hạn sau thông báo mua lại. Hầu hết các nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau, các thời kì khác nhau tương đối nhất quán khi kết luận có lợi nhuận bất thường tích cực sau thông báo mua lại trong ngắn hạn (Ramsay & Asjeet, 1995; Ikenberry et al, 1995; Mishra, 2005). Ngược lại, kết quả tác động dài hạn từ việc mua lại cổ phần vẫn còn đang gây tranh cãi. Tại Việt Nam, việc mua lại cổ phiếu</p>	<p>+ Đề xuất một số số khuyến nghị cho doanh nghiệp đối với các quyết định mua lại cổ phần, cho nhà đầu tư đối với các quyết định đầu tư của mình.</p>	<p>nghiệp (tỉ lệ tiền mặt trên tổng tài sản, tỉ số giá trị thị trường trên giá trị sổ sách) với lợi nhuận bất thường ngắn hạn đối với hoạt động mua lại cổ phần của các doanh nghiệp</p> <p>- Đề xuất một số khuyến nghị cho doanh nghiệp, cho nhà đầu tư</p> <p>* Sản phẩm:</p> <p>- Sản phẩm khoa học:</p> <p>+ Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục chức danh giáo sư nhà nước.</p> <p>- Sản phẩm đào tạo:</p> <p>- Sản phẩm ứng dụng:</p> <p>+ Báo cáo khoa học các chuyên đề</p> <p>+ Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài</p>				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

		<p>bắt đầu được áp dụng nhiều từ năm 2008 khi khủng hoảng lan rộng trên thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, các nghiên cứu ở Việt Nam chỉ giới hạn ở những ảnh hưởng giá xoay quanh sự kiện mua lại cổ phiếu (Trịnh Thị Minh Hoa, 2015; Trịnh Tấn Lực, 2015) hay nghiên cứu các nhân tố tác động đến mua lại cổ phiếu (Trần Thị Hải Lý và Hoàng Thị Phương Thảo, 2014; Từ Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Uyên Uyên và Vũ Minh Hà, 2015) mà chưa có nghiên cứu liên quan đến tỉ lệ hoàn thành mua lại cổ</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>phiếu và xem xét lợi nhuận bất thường dài hạn. Nghiên cứu này được thực hiện sẽ giúp bổ sung khoảng trống nghiên cứu trên, đóng góp thêm vào cho cơ sở lí thuyết hiện tại về mua lại cổ phiếu.</p> <p>Bên cạnh đó, thực tế cho thấy rằng thông thường các doanh nghiệp Việt Nam quyết định mua vào cổ phiếu với mục tiêu bình ổn giá khi thị giá trên sàn đã xuống dưới giá trị của doanh nghiệp, thường là dưới giá trị sổ sách. Tuy nhiên hiệu quả thực sự của hành động đó vẫn còn đặt ra nhiều nghi vấn. Hơn nữa, trong những năm gần đây, không ít doanh nghiệp ở Việt Nam đã không thực hiện mua cổ phiếu quỹ như công bố, hoặc mua</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>với tỉ lệ rất thấp so với tỉ lệ công bố, gây ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý NĐT và suy giảm niềm tin trên TTCK. Do đó, nghiên cứu về sự tồn tại của lợi nhuận bất thường sau thông báo mua lại của các doanh nghiệp và tác động của tỉ lệ hoàn thành mua lại cổ phiếu đến lợi nhuận bất thường mang tính cấp thiết không chỉ đối với bản thân doanh nghiệp mà còn đối với các nhà đầu tư.</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Danh sách này có 14 đề tài.
Tổng kinh phí dự kiến: 1006 triệu

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 12 năm 2016
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên